

Bản án số 14/2020/DS-PT
Ngày 07-5-2020
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Sơn

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Hồ Điệp

Bà Trần Thị Vân Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Hồng Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Ông Hà Văn Dón - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2020 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 67/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 82/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị L; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Th; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị S; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Bùi Công H và chị Nguyễn Thị M; cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; anh Bùi Công H có mặt, chị Nguyễn Thị M vắng mặt.

3. Anh Bùi Hoàng H và chị Nguyễn Thị N (tên gọi khác là Nguyễn Thị Hồng N); cư trú tại: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N: Anh Bùi Công H; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 5 năm 2020); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn Th là bị đơn; bà Lê Thị S, anh Bùi Công H và chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H và chị Nguyễn Thị N đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trình bày và yêu cầu của nguyên đơn: Bà Bùi Thị L có cha đẻ là cụ Bùi Văn T sinh năm 1914 và chết năm 1985, có mẹ đẻ là cụ Lê Thị T1 sinh năm 1912 và chết năm 1983. Cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 chết không để lại di chúc. Cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 không có con nuôi, con riêng, cha nuôi, mẹ nuôi. Cha mẹ cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 đều chết trước cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1. Cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 có 03 người con là bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn Th và ông Bùi Văn X (Bùi Xuân X) là liệt sĩ chết năm 1968, không có vợ con. Theo Sổ Mục kê xã H năm 1978 tại số thửa 869 (70 cũ) diện tích 468m² đất và số thửa 865 (74 cũ) diện tích 1314m² đất đứng tên chủ sử dụng là cụ Bùi Văn T. Diện tích đất thực tế hiện nay của hai thửa 865 + 869, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là 2257,2 m² đất. Diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có tài sản của gia đình ông Bùi Văn Th. Toàn bộ diện tích đất này và tài sản có trên đất đang do gia đình ông Bùi Văn Th quản lý, sử dụng. Nay bà Bùi Thị L yêu cầu chia thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 và bà nhận bằng hiện vật là diện tích đất 360 m² đất, ngoài ra bà không yêu cầu nhận tài sản nào khác.

Trình bày và đề nghị của bị đơn : Thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Diện tích 2257,2 m² đất đang do gia đình ông quản lý, sử dụng. Trên đất có các tài sản do gia đình ông xây dựng nên. Tuy nhiên, nguồn gốc diện tích đất nêu trên là của dòng họ Bùi chứ không phải do cụ Bùi Văn T và Lê Thị T1 tạo dựng lên. Nay bà Bùi Thị L yêu cầu chia thừa kế thì ông không đồng ý chia vì đây là đất của tổ tiên để lại, chỉ được ở không được chia cho con cháu.

Trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Lê Thị S, anh Bùi Công H có quan điểm như bị đơn đã trình bày.

Chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N không trình bày quan điểm của mình.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng đã Áp dụng khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 658, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 của

Luật Đất đai; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; xử:

Chấp nhận nội dung khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và Lê Thị T1.

Giao cho bà Bùi Thị L được quyền sử dụng 360 m² đất thổ cư với các mốc giới (mốc 13A -> mốc 13 -> mốc 14 -> mốc 15 -> mốc 15A -> mốc 13A có sơ đồ kèm theo) tại hai thửa 865 + 869, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và sở hữu tài sản có trên đất.

Giao cho ông Bùi Văn Th và Lê Thị S được quyền sử dụng 1897,2 m² đất thổ cư với các mốc giới (mốc 1 -> mốc 2 -> mốc 3 -> mốc 4 -> mốc 5 -> mốc 6 -> mốc 7 -> mốc 8 -> mốc 9 -> mốc 10 -> mốc 11 -> mốc 12 -> mốc 13A -> mốc 15A -> mốc 15 -> mốc 16 -> mốc 17 -> mốc 18 -> mốc 19 -> mốc 20 -> mốc 21 -> mốc 1 có sơ đồ kèm theo) tại hai thửa 865 + 869, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N được sở hữu tài sản có trên đất.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/12/2019 ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S kháng cáo; ngày 20/12/2019 anh Bùi Công H, Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N kháng cáo, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị hủy bỏ toàn bộ bản án sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và chỉ xin nhận chia thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất ở 360 m², ngoài ra bà không yêu cầu nào khác.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày không đồng ý với bản án sơ thẩm vì diện tích đất 2257,2 m² là của ông cha để lại, ông bà sử dụng đã lâu, không tranh chấp với ai và diện tích đất đó là đất của dòng họ Bùi chứ không phải đất của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 nên không đồng ý chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Công H trình bày giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại cấp sơ thẩm và đồng ý với ý kiến của bị đơn đã trình bày tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan điểm của

Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Sửa bản án sơ thẩm vì phải xác định lại diện tích đất là di sản thừa kế, chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền: Đây là tranh chấp về thừa kế tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại huyện T, thành phố Hải Phòng nên căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Thời điểm mở thừa kế đối với tài sản của cụ Bùi Văn T là năm 1985 và cụ Lê Thị T1 là năm 1983. Ngày 01/3/2019 bà Bùi Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1. Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP, ngày 30/6/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 103/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính thì, từ ngày 01/01/2017 Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13, Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 và luật khác có liên quan về thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu để thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự. Theo đó, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Đối với trường hợp mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10/9/1990. Như vậy vụ án còn thời hiệu khởi kiện nên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng đã hết thời hiệu khởi kiện là không có căn cứ.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của nguyên đơn:

[3.1] Về di sản thừa kế: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự xác định: Cụ Bùi Văn T đứng tên chủ sử dụng 03 thửa đất 865, 869, 870 đều tại tờ bản đồ số 02, với tổng diện tích là 1.963m², chứ không phải chỉ gồm 02 thửa 865 và 869 như Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định. Các thửa đất cụ Bùi Văn T đứng tên chủ sử dụng, gồm: Thửa 869 diện tích 468m²; thửa 865 diện tích 1314m²; thửa 870 diện tích 181m². Trong đó có 1782m² là diện tích đất sử dụng trước ngày 18/12/1980

thuộc thửa đất số 865, 869 và diện tích 181m² là diện tích đất canh tác thuộc thửa đất số 870. Tuy nhiên, diện tích đất thực tế qua xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2257,2m²; tăng 475,2m². Theo xác định của Ủy ban nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tại văn bản số 736/UBND-VPĐKĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020, diện tích đất tăng giữa thực tế so với Sổ Mục kê là do phần diện tích đất tăng bao gồm 181m² đất canh tác của chính số thửa 870 và 78m² lấn sang thửa 866; phần diện tích còn lại 216,2m² do gia đình sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không lấn chiếm do đó được xác định là do sai số đo đạc. Toàn bộ 03 thửa đất này không có ranh giới phân định và hiện nay do bị đơn đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Do đó, xác định tài sản của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 chết để lại là 2.179,2 m² bao gồm 03 thửa đất nêu trên, chứ không phải là 2.257,2 m² như Tòa án cấp sơ thẩm xác định. Diện tích đất là di sản thừa kế không bao gồm 78m² lấn sang thửa số 866 nên phải xác định lại giá trị di sản thừa kế.

Theo kết quả định giá tài sản, giá trị quyền sử dụng đất theo quy định và trao đổi tại thị trường tại địa phương đều là 600.000 đồng/01m² đối với diện tích đất ở 1998,2 m² tương ứng 1.198.920.000 đồng. Theo Bản kết luận định giá tài sản bổ sung thì giá đất nông nghiệp tại địa phương Thôn C xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng là 130.000 đồng/01m² đối với diện tích đất canh tác 181m² tương ứng 23.530.000 đồng.

Tổng trị giá di sản của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 là 1.222.450.000 đồng. Trên đất có các tài sản mà các đương sự đều thống nhất là của gia đình ông Bùi Văn Th gồm: 01 nhà diện tích 56,7 m² trị giá 73.710.000 đồng, 01 nhà diện tích 51,8 m² trị giá 108.780.000 đồng, 01 nhà diện tích 44,4 m² trị giá 146.520.000 đồng, 01 kho chứa diện tích 24,5 m² trị giá 17.150.000 đồng, bể nước trị giá 9.500.000 đồng, nhà tắm trị giá 7.000.000 đồng, nhà vệ sinh trị giá 5.000.000 đồng, khu chăn nuôi trị giá 8.700.000 đồng, tường bao sân công trị giá 15.000.000 đồng, cây trị giá 9.000.000 đồng, 01 ao diện tích 365 m² trị giá 20.000.000 đồng, 01 ao diện tích 166 m² trị giá 9.000.000 đồng. Toàn bộ diện tích đất này và tài sản gắn liền với đất đang do gia đình ông Bùi Văn Th quản lý, sử dụng. Tài sản gắn liền với đất theo ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H trình bày là tài sản chung của gia đình.

Không có tài liệu, chứng cứ chứng minh diện tích đất 2.179,2 m² là tài sản của dòng họ Bùi Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng.

[3.2] Người thừa kế: Cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 chết không để lại di chúc. Theo Điều 651 Bộ luật Dân sự những người được hưởng thừa kế theo pháp luật gồm bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn Th. Về công sức đóng góp vào di sản thừa kế của bà Lê Thị S là vợ ông Bùi Văn Th có công sức đóng góp trong việc giữ gìn khối tài sản thừa kế và sinh sống cùng cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 và là người thờ cúng liệt sĩ thuộc hàng thừa kế thứ nhất nên bà Lê Thị S được hưởng phần công sức cùng với ông Bùi Văn Th.

[3.3] Về nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại: Đến thời điểm mà Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án không có yêu cầu người thừa kế phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1.

[3.4] Về phân chia di sản: Phần di sản của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 có trị giá là 1.222.450.000 đồng. Vợ chồng ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S có nhiều công sức quản lý di sản thừa kế nên căn cứ theo Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016 nên ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S được hưởng một suất thừa kế. Như vậy phần di sản của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1 được chia thành 03 phần, mỗi suất thừa kế trị giá: 407.483.333 đồng trong đó bà Bùi Thị L được hưởng một suất thừa kế, ông Bùi Văn Th 1,5 suất thừa kế, bà Lê Thị S được hưởng $\frac{1}{2}$ suất thừa kế. Tuy nhiên, nguyên đơn là bà Bùi Thị L yêu cầu chỉ nhận bằng hiện vật là diện tích đất 360 m² đất thổ cư, tính trị giá 216.000.000 đồng thấp hơn một suất thừa kế mà bà Bùi Thị L được hưởng và đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của đương sự là có căn cứ. Còn ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S không yêu cầu chia di sản thừa kế, bà Lê Thị S không yêu cầu tính công sức nên sau khi chia cho bà Bùi Thị L sẽ giao toàn bộ phần di sản còn lại cho ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S. Vì vậy, căn cứ các Điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Bùi Thị L được chia 360 m² đất và được sở hữu tài sản gắn liền với đất tương ứng; giao cho ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S sử dụng phần diện tích đất còn lại và ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N được sở hữu tài sản có trên đất (có sơ đồ kèm theo).

Do đó, với các tài liệu chứng cứ nêu trên, không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, do Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất là di sản thừa kế không đúng nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa nội dung này của bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S là người trên 60 tuổi, có đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308; Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các điều 609, 613, 623, 649, 650, 651, 658, 660 của Bộ luật Dân sự; Điều 188 của Luật Đất đai; Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Án lệ số 05/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06 tháng 4 năm 2016, xử:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị L về việc chia di sản thừa kế của cụ Bùi Văn T và cụ Lê Thị T1.

1.1. Chia cho bà Bùi Thị L được quyền sử dụng 360 m² đất thổ cư với các mốc giới (mốc 13A -> mốc 13 -> mốc 14 -> mốc 15 -> mốc 15A -> mốc 13A) tại hai thửa 865 + 869, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng và bà Bùi Thị L được quyền sở hữu tài sản tương ứng gắn liền với diện tích đất được chia (có sơ đồ kèm theo). Các tài sản này do ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N đang quản lý tài sản nên ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N phải trả cho bà Bùi Thị L.

1.2. Chia cho ông Bùi Văn Th và Lê Thị S được quyền sử dụng 1819,2 m² đất với các mốc giới (mốc 1 -> mốc 2 -> mốc 3 -> mốc 4 -> mốc 5 -> mốc 6 -> mốc 7 -> mốc 7A -> mốc 8 -> mốc 9 -> mốc 10 -> mốc 11 -> mốc 12 -> mốc 13A -> mốc 15A -> mốc 15 -> mốc 17A -> mốc 18 -> mốc 19 -> mốc 20 -> mốc 21 -> mốc 1) tại 03 thửa đất số 869, 865, 870, tờ bản đồ số 02, địa chỉ tại Thôn C, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Trong đó có thửa 870 diện tích 181m² là đất canh tác với các mốc giới (mốc 2 -> mốc 2A -> mốc 7A -> mốc 7 -> mốc 6 -> mốc 5 -> mốc 4 -> mốc 3 -> mốc 2) (có sơ đồ kèm theo). Ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S, anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N là đồng sở hữu tài sản gắn liền với diện tích đất mà ông Bùi Văn Th và bà Lê Thị S được chia.

2. Về án phí:

Bà Bùi Thị L, ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Văn Th, bà Lê Thị S được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Anh Bùi Công H, chị Nguyễn Thị M, anh Bùi Hoàng H, chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại anh Bùi Công H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003343 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Trả lại chị Nguyễn Thị M 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003344 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Trả lại anh Bùi Hoàng H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003346 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Trả lại chị Nguyễn Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003345 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hải Phòng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự (để thi hành);
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Anh sơn